

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HC-ST

Ngày: 17/6/2020

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Quang Tuyên.
2. Bà Trần Thị Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ban - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 07/2020/TLST-HC ngày 06 tháng 02 năm 2020 việc kiện “Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HC ngày 03/6/2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Ông Trần Lê M, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Bà Trần Thị Dung N, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của những người khởi kiện: Bà Trần Thị Y, sinh năm 1959 (Văn bản uỷ quyền ngày 14/01/2020); địa chỉ: Thôn M, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lưu Văn K – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Phạm Văn T – Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B (có mặt);

Địa chỉ: Đường H, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Hộ ông Trần Lê M, bà Nguyễn Thị Y và hộ bà Trần Thị Dung N là chủ sử dụng của hai thửa đất: thửa số 13, tờ bản đồ số 02, diện tích 6.855,9m² đất nông nghiệp và thửa đất số 05, tờ bản đồ số 02, diện tích 8.093,2m² đất nông nghiệp. Cả hai thửa đất đều tọa lạc tại phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng nghĩa trang thành phố B. Ngày 30/6/2014, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4063A/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Mở rộng nghĩa trang thành phố B (đợt 2), trong đó có 02 thửa đất nêu trên của hộ ông Trần Lê M, bà Nguyễn Thị Y và hộ bà Trần Thị Dung N.

Không đồng ý với Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ trên, 02 hộ ông Trần Lê M và bà Trần Thị Dung N đã khởi kiện vụ án hành chính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B huỷ một phần Quyết định số 4063A/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thành phố B đối với phương án phê duyệt cho 02 hộ nêu trên, đề nghị UBND thành phố B thực hiện bồi thường, hỗ trợ lại theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 06/3/2017, Tòa án nhân dân thành phố B đã ban hành Bản án số 03/2017/HC-ST, trong đó tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hai hộ gia đình ông M, hộ bà N, huỷ một phần Quyết định số 4063A/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thành phố B đối với hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N, để UBND thành phố B ban hành lại theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 30/01/2019, UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 716/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Mở rộng nghĩa trang thành phố B (đợt 2), tại Điều 2 của Quyết định này có nêu: “Quyết định này phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho đúng trình tự thủ tục theo quy định đối với hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N tại Quyết định số 4063A/QĐ-UBND ngày 30/6/2014. Về giá trị bồi thường, hỗ trợ không thay đổi do Quyết định số 4063A/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thành phố đã thực hiện đúng chính sách, đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất theo Luật đất đai năm 2003”.

Về yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện và theo trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Trần Thị Y có nội dung như sau:

Các ông bà không đồng ý với Quyết định trên. Vì thửa đất của ông bà đã có

quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày 01/7/2014. Do đó, khi UBND thành phố B thực hiện lại việc bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất của hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N phải căn cứ điểm a khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định: *“Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt trước ngày 01/7/2014 giải quyết theo quy định sau: a. Đối với dự án thuộc trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật đất đai, chủ đầu tư đủ điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép tiếp tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật đất đai năm 2013”*. Việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ trái pháp luật đối với thửa đất nêu trên của Ủy ban nhân dân thành phố B đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hai hộ.

Nay ông bà khởi kiện đề nghị Tòa án huỷ Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Mở rộng nghĩa trang thành phố B (đợt 2) để UBND thành phố B thực hiện bồi thường, hỗ trợ lại theo Luật đất đai năm 2013.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện - UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là ông Phạm Văn T trình bày có nội dung như sau:

Ngày 06/3/2017, Tòa án nhân dân thành phố B đã ban hành Bản án số 03/2017/HC-ST, trong đó nhận định: *“Sau khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, nhưng không thực hiện việc niêm yết công khai phương án theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 69/2014/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ”*. Vì vậy, Bản án số 03/2017/HC-ST ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B đã quyết định huỷ một phần Quyết định số 4063A/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 để ban hành lại theo đúng quy định của pháp luật. Về các chính sách bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất tại Quyết định số 4063A/QĐ-UBND thì UBND thành phố đã thực hiện đúng theo các quy định của Luật đất đai năm 2003.

Thực hiện Bản án nêu trên, Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B đã thực hiện niêm yết công khai phương án tại trụ sở UBND phường L từ ngày 07/9/2018 đến ngày 05/11/2018 và đã gửi phương án dự thảo cho 02 hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N theo quy định.

Ngày 30/01/2019, UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 716/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Mở rộng nghĩa

trang thành phố B (đợt 2). Nội dung quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho đúng trình tự, thủ tục theo quy định đối với hai hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N tại Quyết định số 4063A/QĐ-UBND ngày 30/6/2014. Về giá trị bồi thường, hỗ trợ không thay đổi do Quyết định số 4063A/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thành phố đã thực hiện đúng các chính sách, đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất theo Luật đất đai năm 2003.

Từ các căn cứ trên, việc UBND thành phố phê duyệt phương án bồi thường tại Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của 02 hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai nên vụ án không tiến hành đối thoại được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về tố tụng hành chính; về nội dung: Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND thành phố B đã áp dụng các quy định của Luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2003 để phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N là không đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, nên yêu cầu khởi kiện của ông M, bà Yến và bà N là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Lê M, bà Nguyễn Thị Y và bà Trần Thị Dung N; Hủy Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND thành phố B, để UBND thành phố B ban hành lại theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2013.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 30/01/2019, UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 716/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 02 hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Mở rộng nghĩa trang thành phố B (Đợt 2). Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực

quản lý đất đai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Lê M, bà Nguyễn Thị Y và bà Trần Thị Dung N, nên yêu cầu khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính. Ngày 15/01/2020, ông Trần Lê M, bà Nguyễn Thị Y và bà Trần Thị Dung N có đơn khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND thành phố B:

Bản án số 03/2017/HC-ST ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B đã có hiệu lực pháp luật đã tuyên xử hủy một phần Quyết định số 4063A/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N, để UBND thành phố B ban hành lại theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 30/01/2019, UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 716/QĐ-UBND để phê duyệt lại phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N và đã tiến hành niêm yết công khai là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật đất đai 2013.

[2.2] Về nội dung và hình thức của Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND thành phố B:

- Khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định:

“3. Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt.

4. Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì giải quyết theo quy định sau đây:

a) Đối với dự án thuộc trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật đất đai, chủ đầu tư đủ điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép tiếp tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật đất đai năm 2013; ...”

Đối với trường hợp của hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N, UBND thành phố B đã ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án

bồi thường trước ngày 01/7/2014. Tuy nhiên, một phần Quyết định số 4063A/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thành phố B (phần phê duyệt phương án bồi thường đối với hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N) đã bị Tòa án nhân dân thành phố B hủy theo Bản án hành chính số 03/2017/HC-ST ngày 06/3/2017. Điều này có nghĩa rằng trước ngày 01/7/2014, diện tích đất của hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường.

Ngày 30/01/2019, UBND thành phố B mới ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N. Do đó, UBND thành phố B phải căn cứ vào các quy định của Luật đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2013 để phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N.

- Về các căn cứ ban hành Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 30/01/2019: Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 thể hiện: “*Căn cứ Luật đất đai ngày 26/11/2003. Nay được thay thế bằng Luật đất đai năm 2013; Căn Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP; Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên - Môi trường về việc Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31/08/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về lệ phí trước bạ (nay được thay thế bằng: Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất...*” và một số căn cứ khác cũng tương tự. Như vậy, Quyết định này của UBND thành phố B vừa căn cứ vào các quy định của Luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003, vừa căn cứ vào các quy định của Luật đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2013 để xác định chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

Tuy nhiên, tại Điều 1, Điều 2 của Quyết định này, UBND thành phố B lại áp dụng các quy định của Luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003 để phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N là không đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

[2.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Trần Lê M, bà Nguyễn Thị Y và bà Trần Thị Dung N khởi kiện cho rằng UBND thành phố B ban hành Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 theo quy định của Luật

đất đai 2003 và không đúng quy định của pháp luật, là có cơ sở, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các ông bà. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Lê M, bà Nguyễn Thị Y và bà Trần Thị Dung N, hủy toàn bộ Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 02 hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Mở rộng nghĩa trang thành phố B (Đợt 2).

[3] Về án phí: Do chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Lê M, bà Nguyễn Thị Y và bà Trần Thị Dung N nên người bị kiện UBND thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng: khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật đất đai 2013; điểm a khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Lê M, bà Nguyễn Thị Y và bà Trần Thị Dung N.

Hủy Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 02 hộ ông Trần Lê M và hộ bà Trần Thị Dung N khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Mở rộng nghĩa trang thành phố B (Đợt 2), để UBND thành phố B ban hành lại theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2013.

[2] Về án phí:

UBND thành phố B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Ông Trần Lê M, bà Nguyễn Thị Y và bà Trần Thị Dung N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ông Trần Lê M và bà Nguyễn Thị Y được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí hành chính là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0008472 ngày 03/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Bà Trần Thị Dung N được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí hành chính là 300.000

đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0008471 ngày 03/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (do ông Trần Lê M nộp thay).

[3] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung